

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 09
- Kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

120
CỘNG
HÀNH
THÀNH VI
CHÍNH
KIỂM
PHÍA
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuộc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết cổ phiếu tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại địa chỉ: Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất dầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 50.755.734.805 VND. Lợi nhuận sau thuế cho năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 42.868.240.474 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 43.770.728.818 VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 38.311.033.053 VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Phan Văn Tạo	Chủ tịch HĐQT
Ông :	Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông :	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông :	Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông :	Trương Bình An Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông :	Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông :	Nguyễn Văn Đạo	Thành viên
Bà :	Trịnh Thanh Huyền	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.

Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành.

Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Cát Lợi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phan Văn Tạo

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Bùi Tấn Hòa

Số: 35.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính năm 2010
của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi*

Kính gửi:

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cát Lợi**
- **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được lập ngày 15/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 479/KTV

Kiểm toán viên



Dương Thị Quỳnh Hoa

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		552.462.069.291	405.019.360.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		67.484.438.480	37.913.110.245
1. Tiền	111	V.01	67.484.438.480	37.913.110.245
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.900.076.000	1.700.068.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(650.026.000)	(850.034.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.768.675.947	138.449.243.761
1. Phải thu của khách hàng	131		190.154.828.972	138.208.317.066
2. Trả trước cho người bán	132		1.326.282.816	68.163.860
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	287.564.159	172.762.835
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		286.336.486.362	225.038.377.396
1. Hàng tồn kho	141	V.04	286.336.486.362	225.038.377.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.972.392.502	1.918.560.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		103.794.711	18.283.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.851.807.004	1.337.280.112
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.790.787	562.997.421
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		50.384.305.277	64.647.614.033
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		30.134.305.277	44.397.614.033
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	15.334.259.059	35.208.231.578
- Nguyên giá	222		339.894.505.923	335.306.850.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(324.560.246.864)	(300.098.618.469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.119.112.870	8.484.322.925
- Nguyên giá	228	V.06	15.525.212.589	15.525.212.589
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.406.099.719)	(7.040.889.664)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	6.680.933.348	705.059.530
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.250.000.000	20.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	20.250.000.000	20.250.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			602.846.374.568	469.666.974.233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		401.265.565.327	278.794.043.548
I. Nợ ngắn hạn	310		401.016.487.615	278.617.922.362
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	316.110.938.693	207.071.844.481
2. Phải trả cho người bán	312		67.316.189.156	57.311.786.316
3. Người mua trả tiền trước	313		237.342.372	616.562.925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	10.014.639.333	2.235.855.275
5. Phải trả người lao động	315		4.762.054.647	4.970.512.850
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	1.101.416.400	5.185.899.049
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BQL ĐH	323	V.12.6	1.473.907.014	1.225.461.466
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		249.077.712	176.121.186
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		249.077.712	176.121.186
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		201.580.809.241	190.872.930.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	201.580.809.241	190.872.930.710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.801.550.793	1.164.550.736
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.925.517.125	7.470.515.886
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.504.408.270	7.428.835.270
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.311.033.053	43.770.728.818
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			602.846.374.568	469.666.974.238

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.019.400.000	201.538.769
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		358.290,02	42.066,20
- EUR		0,75	43,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng

Trương Bình An Sơn

Giám đốc



Bùi Tân Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.13	1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
2. Các khoản giảm trừ			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
4. Giá vốn hàng bán	VI.15	1.084.457.710.908	1.026.608.408.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.196.953.086	123.359.395.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.14	2.574.663.199	1.557.939.113
7. Chi phí tài chính	VI.16	57.434.604.144	45.615.465.701
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		26.011.746.404	11.150.368.241
8. Chi phí bán hàng		16.346.722.843	12.755.023.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.991.572.814	12.012.499.113
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.998.716.484	54.534.346.540
11. Thu nhập khác		594.365.368	166.740.998
12. Chi phí khác		42.102.698	3.690.909
13. Lợi nhuận khác		552.262.670	163.050.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)		46.550.979.154	54.697.396.629
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.17	3.682.738.680	3.941.661.824
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.868.240.474	50.755.734.805
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.271	3.873

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành được miễn 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2007 đến năm 2015 với thuế suất thuế TNDN là 15%

Người lập biểu



Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trương Bình An Sơn

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa

